TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS - PT

Ngày 23 - 6 - 2021

V/v "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Chí Thiện

Các Thẩm phán: Ông Đặng Phi Long

Ông Phạm Ngọc Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 23/6/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2021/TLPT-DS ngày 26/4/2021 về *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* do Bản án dân sự số 02/2021/DS-ST ngày 16/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số số 16/2021/QĐ-PT ngày 08/6/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lừu Xuân V và chị Cư Thị D

Địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Anh Lừu Seo N - Địa chỉ: Địa chỉ: Thôn S, xã B, huyện S, tỉnh Lào Cai. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H

Địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Hứa Thị T - Địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã X, huyện B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Thành C - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã X.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn N - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã X. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Lừu Xuân V và Bị đơn anh Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn anh Lừu Xuân V và chị Cư Thị D, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Lừu Seo N trình bày:

Gia đình anh V, chị D có diện tích đất trồng rừng là 42.829m^2. Trong tổng số diện tích đất trên có khoảng 12.829m^2 có nguồn gốc là do trước kia ông Nguyễn Văn S (bố đẻ anh H) đã chuyển nhượng cho ông Lừu Seo S - Trú tại: Đội 4, xã X, huyện B, sau đó ông S3 lại chuyển nhượng cho ông Lừu Thành P - Trú tại: Xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên. Năm 1996, gia đình anh V, chị D nhận chuyển nhượng lại từ anh P. Năm 1998 thì được cấp GCNQSDĐ (lần đầu) đối với diện tích đất trên. Đến ngày 15/6/2009 được UBND huyện B cấp lại GCNQSDĐ số AG 450567. Từ năm 2000 gia đình anh V, chị D không canh tác gì trên diện tích đất này mà để khoanh vùng tự nhiên. Đến năm 2018 gia đình anh V, chị D có nhu cầu sử dụng lại đất thì anh H tranh chấp và đã trồng cây trên đất. Vì vậy anh V, chị D làm đơn khởi kiện yêu cầu anh H phải trả lại nguyên trạng diện tích đã lấn chiếm khoảng 11.000m^2. Quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện B đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất tranh chấp là 3.332,7m2, anh V, chị D yêu cầu anh H trả lại diện tích đất trên tại Thôn B, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc do bố mẹ anh là ông Nguyễn Văn S và bà Đặng Thị S2 khai phá từ những năm 1990, năm 1996 ông S bà S2 cho người cùng bản, tên là S3 mượn một năm, năm 1998 ông S3 trả lại đất cho ông S bà S2 canh tác. Từ năm 1999 bố mẹ anh H già yếu nên không canh tác nữa. Năm 2004 bố mẹ cho vợ chồng anh H, chị T tiếp tục canh tác, anh, chị sử dụng đất được hai vụ đến năm 2006 không canh tác nữa mà để khoanh vùng tự nhiên. Năm 2015 vợ chồng anh chị tiếp tục canh tác thì anh V không cho canh tác. Năm 2020 vợ chồng anh H trồng sắn, năm 2021 tiếp tục trồng quế trên đất. Diện tích đất tranh chấp là đất của gia đình anh H và đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số AG 450546 ngày 20/7/2009 mang tên hộ ông S và bà S2, vì vậy anh H không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hứa Thị T nhất trí với ý kiến trình bày của anh Nguyễn Văn H.

Người đại diện theo ủy quyền của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã X trình bày:

Diện tích đất đang tranh chấp giữa vợ chồng anh V, chị D và anh H thuộc thửa đất 652, tờ bản đồ 02 chưa cấp GCNQSDĐ cho ai, hiện do Ủy ban nhân dân xã X quản lý. Vì vậy vợ chồng anh V, chị D và anh H không có căn cứ đề đòi quyền sử dụng diện tích đất trên.

Bản án số 02/2021/DS-ST ngày 16/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lừu Xuân V, chị Cư Thị D về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn H phải trả lại nguyên trạng diện tích đất là 3.232,7m^2 thuộc thửa đất 652, tờ bản đồ 02, địa chỉ tại Thôn B, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai, có tứ cận như sau: Các phía Đông, Tây, Nam, Bắc đều giáp đất do UBND xã X quản lý.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 29/3/2021, anh Lừu Xuân V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 16/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 31/3/2021, anh Nguyễn Văn H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 16/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Ngày 11/6/2021, anh Lừu Xuân V có Đơn xin rút toàn bộ đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị đơn anh H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND huyện B, tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của anh V và anh H có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật, nộp trong hạn luật định là hợp lệ, làm căn cứ để Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết.

[2] Tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn anh Lừu Seo N, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hứa Thị T và Người đại diện theo ủy quyền của UBND xã X là ông Hoàng Văn N vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vụ án.

[3] Về nội dung kháng cáo của anh Lừu Xuân V:

Sau khi xét xử sơ thẩm, anh V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cho rằng nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là do gia đình khai hoang, có một phần nhận chuyển nhượng của ông Lừu Páo Q. Đối với diện tích đất nhận chuyển nhượng của ông Lừu Páo Q có nguồn gốc là đất của ông Nguyễn Văn S (bố đẻ của anh H), sau đó chuyển nhượng cho ông Lừu Seo S, ông S3 chuyển nhượng cho ông Lừu Páo Q. Quá trình sử dụng gia đình anh V, chị D đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số AG 450567 ngày 15/6/2009 (Thửa đất số 618, tờ bản đồ số 2, diện tích 42.829m^2), anh V đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 11/6/2021 anh V có Đơn xin rút đơn kháng cáo. Xét thấy, việc rút đơn kháng cáo của anh V là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh V.

[4] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn H:

Anh H kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm về việc xác định diện tích đất tranh chấp là 3.232,7m^2, vì theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/12/2020 thì anh V, chị D xác định diện tích đất tranh chấp là 36.939m^2, sau đó thay đổi yêu cầu xác định diện tích đất tranh chấp là 3.232,7m^2 nhưng việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn là không đúng quy định của pháp luật vì thay đổi sau ngày Tòa án thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Xét thấy, theo Đơn khởi kiện anh V, chị D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H trả lại diện tích dất khoảng 11.000m^2. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất đang tranh chấp giữa gia đình anh V, chị D với gia đình anh H, diện tích đất tranh chấp đo đạc thực tế theo anh V tự xác định tại thực địa. Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/12/2020 xác định diện tích đất đang tranh chấp là 36.939m^2. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 28/01/2021 anh V, chị D đều trình bày về việc không đồng ý với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/12/2020 vì khi đi đo đạc anh V, chị D không hiểu nên đã chỉ sai ranh giới tranh chấp, thực tế anh, chị yêu cầu giải quyết phần diện tích đất mà anh H đã trồng sắn, đề nghị Tòa án tiến hành xem xét thẩm định lại. Theo đề nghị của anh V, chị D, Tòa án

đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ lại, tại Biên bản ngày 04/02/2021 xác định diện tích đất tranh chấp là 3.232,7m^2, anh V, chị D nhất trí với kết quả xem xét thẩm định này.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 05/02/2021, anh V đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh H, chị T trả lại nguyên trạng diện tích đất 3.232,7m^2 theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ. Ngoài diện tích đất trên anh V, chị D không yêu cầu gì khác. Tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "*Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*. Do đó, Tòa án sơ thẩm chỉ xem xét và giải quyết trong phạm vi khởi kiện của nguyên đơn đối với diện tích đất tranh chấp là 3.232,7m^2 là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh H kháng cáo cho rằng việc nguyên đơn rút phần yêu cầu khởi kiện về diện tích đất tranh chấp sau khi đã có Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án. Căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ thấy rằng, ngày 26/01/2021, TAND huyện B ban hành Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và ấn định thời gian mở phiên họp là ngày 02/02/2021. Đến ngày 02/02/2021, Tòa án có Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 05/02/2021. Tại phiên họp ngày 05/02/2021, anh V trình bày về yêu cầu Tòa án giải quyết diện tích đất tranh chấp là 3.232,7m^2.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đương sự có quyền thay đổi, bổ sung yêu cầu của mình theo quy định. Tại tại mục 7, Phần IV Công văn số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ của Tòa án có giải đáp như sau: *"Tòa án chấp nhận việc nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện nếu việc thay đổi, bổ sung được thực hiện trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp và sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì Tòa án chỉ chấp nhận việc đương sự thay đổi yêu cầu khởi kiện nếu việc thay đổi yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu"*. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện về diện tích đất tranh chấp của anh V, chị D thực hiện tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải, việc thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Vì vậy, Tòa án sơ thẩm chấp nhận việc thay đổi yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật. Hơn nữa, pháp luật quy định về việc thay đổi, bổ sung yêu cầu trước, trong hoặc sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chứ không phải thời điểm Tòa án ra Thông báo về phiên họp nên kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn H là không đúng.

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, anh H có đơn kháng cáo bổ sung cho rằng đối với phần diện tích đất mà nguyên đơn đã rút là 36.939m^2 thì anh V đã phát và chặt đổ toàn bộ cây cối trên đất mà bố mẹ anh H đã trồng từ trước nên

anh V cho rằng không tranh chấp diện tích đất này là không đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, tuyên bác đơn khởi kiện của anh Lừu Xuân V, chị Cư Thị D đối với diện tích đất là 36.939m^2, tuyên cho anh Nguyễn Văn H được quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất này vì diện tích đất này là của bố mẹ anh H để lại, gia đình anh đã sử dụng ổn định.

Như trên đã phân tích thì theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chỉ giải quyết trong phạm vi khởi kiện của đương sự. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chỉ yêu cầu giải quyết đối với diện tích đất 3.232,7m^2, nên Tòa án sơ thẩm chỉ xem xét giải quyết đối với diện tích đất theo yêu cầu của nguyên đơn là đúng pháp luật. Ngoài ra, theo Điều 270 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Xét xử phúc thẩm là việc Tòa án cấp phúc thẩm trực tiếp xét xử lại vụ án mà bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị".* Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét giải quyết các vấn đề trong phạm vi bản án sơ thẩm đã giải quyết và không có căn cứ xem xét, giải quyết đối với diện tích đất 36.939m^2 theo yêu cầu trong đơn kháng cáo cũng như yêu cầu Tòa án tuyên cho anh H được quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất này.

Từ những phân tích trên xét thấy, kháng cáo của bị đơn anh H là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh V có Đơn rút đơn kháng cáo trước khi mở phiên tòa phúc thẩm nên phải chịu 50% mức án phí dân sự phúc thẩm. Bị đơn anh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148, Điều 289, Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của nguyên đơn anh Lừu Xuân V.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm 02/2021/DS-ST ngày 16/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Lừu Xuân V phải chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh Lừu Xuân Xuân đã nộp số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số AB/2012/0002010 ngày 30/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai. Trả lại cho anh Lừu Xuân V số tiền 150.000

đồng *(Một trăm năm mười nghìn đồng)*.

Anh Nguyễn Văn H phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh Nguyễn Văn H đã nộp số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003254 ngày 02/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Chí Thiện